| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO<br>TẠI HÀ NỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 304/2022/DS-PT
Ngày: 10/10/2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hồ Sỹ Hưng;

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Thúy Bình;

Bà Phan Thị Vân Hương.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Lã Thị Tú Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9332/2022/QĐPT-DS ngày 26 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Phan Thị P, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tài T, sinh năm 1989; địa chỉ: Nhà X1, ngõ Y đường H, phường K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tài H, Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số X2, ngõ Y đường H, phường K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Vy Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

- Bà Hứa Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1979 và ông Vi Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 28, ngõ 14, đường A, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Triệu Thị Kim L, Luật sư cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện:* Bà Phạm Thị Phương T – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện B; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Hứa Thị Liễu, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Chị Vi Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H:* Bà Dương Thị Quỳnh H, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Vi Văn H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung và trình bày của nguyên đơn, đại diện của nguyên đơn thể hiện:*

Năm 1993, gia đình bà Phan Thị P được Lâm trường (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp B) giao quản lý, sử dụng 01 lô đất rừng và đã được cấp sổ bìa xanh mang tên ông Hà Văn T (là chồng bà P, đã chết năm 1998). Đến năm 2011, thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính Lâm nghiệp xã Q, diện tích 128.217,0m$^2$ mang tên bà Phan Thị P; địa chỉ: C,

thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa 153).

Năm 1995, bà trồng cây thông, cây keo trên toàn bộ diện tích đất đã được giao (128.217,0m$^2$) nhưng đều bị cháy, cháy nhiều lần, mỗi lần đều cháy toàn bộ cây trồng; do không biết ai là người đốt cây nên bà không báo chính quyền địa phương; sau mỗi lần cây bị đốt cháy, hàng năm bà đều phải trồng lại, kế tiếp liên tục từ năm 1995 đến năm 2006 và trồng dặm bổ sung nhưng bà không nhớ thời điểm cuối cùng bà trồng cây trên đất tranh chấp là năm nào. Năm 2014, bà bắt đầu khai thác nhựa thông trên diện tích đất đang tranh chấp, năm 2020 thì phát sinh tranh chấp với ông Vy Văn C.

Trước khi xảy ra tranh chấp đất với ông Vy Văn C, giữa bà với ông Hứa Văn H và ông Vi Văn B cũng đã xảy ra tranh chấp liên quan đến thửa đất số 153, cụ thể: Năm 2013, tranh chấp giữa bà với các hộ dân thôn P do ông Hứa Văn H đại diện, đối với toàn bộ diện tích thửa 153, bà đã làm đơn gửi UBND xã Q và UBND xã giải quyết cho bà được quyền quản lý, sử dụng thửa đất 153; năm 2015, tranh chấp giữa bà với ông Vi Văn B đối với một phần diện tích thửa 153 nhưng không trùng vị trí tranh chấp với ông Vy Văn C hiện nay, vụ việc được Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho bà được quyền quản lý, sử dụng đất.

Khi xảy ra tranh chấp đất với ông Vy Văn C, bà đã gửi đơn đến UBND xã Q, UBND xã đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, bà Phan Thị P gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện B, yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp, yêu cầu được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp và buộc ông Vy Văn C chấm dứt hành vi tranh chấp.

*Bị đơn là ông Vy Văn C và người đại diện hợp pháp của ông Vy Văn C trình bày:*

Nguồn gốc diện tích đất hiện tranh chấp là do bố mẹ ông (vợ chồng cụ Hoàng Thị N) quản lý, sử dụng từ năm 1964 - 1965. Đến năm 1993, thì cho vợ chồng ông trực tiếp quản lý, sử dụng. Năm 1996, vợ chồng ông bắt đầu trồng cây thông và hàng năm đều trồng dặm liên tục cho đến năm 2000. Năm 2010, có trồng một hàng cây keo, hiện nay còn sống 09 cây để làm ranh giới giữa phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông với bà Phan Thị P. Năm 2016, gia đình ông bắt đầu khai thác nhựa thông và thực tế đã khai thác nhựa của 500 cây thông, còn 50 cây đã treo bầu chuẩn bị khai thác thì xảy ra tranh chấp với bà Phan Thị P. Việc gia đình ông trồng cây thông trên đất tranh chấp có các anh Vi Văn B, Dương Văn L, Hứa Văn A, Hứa Văn H và bà Hoàng Thị Y làm chứng. Vị trí đất đang tranh chấp với bà Phan Thị P có cạnh liền kề với đất ruộng của gia đình ông, kế đó là ruộng của bà Hoàng Thị Y;

một cạnh giáp đường mòn mới mở năm 2020 do bà Phan Thị P khai thác gỗ tạo nên.

Vì vậy, ông Vy Văn C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P; đồng thời yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho bà Phan Thị P đối với thửa 153 tương ứng với diện tích đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn gồm bà Hứa Thị L (vợ ông Vy Văn C) và các con là chị Vi Thị H, anh Vi Văn H nhất trí với ý kiến, yêu cầu của bị đơn.

Người làm chứng cho bà Phan Thị P là bà Phương Thị I, trình bày: Trước đây khi đi chăn trâu, bà có thấy bà P trồng thông ở khu đất giáp ruộng của gia đình nhà bà nhưng không biết có phải ở diện tích đất đang tranh chấp hay không.

Những người làm chứng cho bị đơn gồm các anh Dương Văn L, Hứa Văn A, Vi Văn B, Hứa Văn H và bà Hoàng Thị Y, đều xác định vào khoảng năm 1995-1999 đã nhìn thấy vợ chồng ông Vy Văn C dựng lán, trồng sắn, trồng thông trên đất đang tranh chấp. Ngoài ra, bà Hoàng Thị Y còn trình bày, bà Phan Thị P có đất rừng ở khu vực này nhưng ở phía đỉnh đồi.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Diện tích đất tranh chấp là 10.470,0m$^2$ đất thuộc một phần diện tích thửa đất số 153, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính Lâm nghiệp xã Q; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; đã được cấp GCNQSDĐ mang tên bà Phan Thị P vào ngày 20/9/2011; diện tích đất tranh chấp có độ dài các cạnh và tứ cận tiếp giáp thể hiện tại trích đo khu đất tranh chấp do Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ và Môi trường T - chi nhánh Lạng Sơn thực hiện (TĐ 69-2021); cụ thể: Phía Tây Bắc (ABC) giáp đất bà Phan Thị P; phía Đông Bắc (CDE) giáp đất nông nghiệp của ông Vy Văn C, bà Hoàng Thị Y; phía Đông Nam (EFG) giáp đất bà Phan Thị P; phía Tây Nam giáp đường mòn mới mở. Trên diện tích đất tranh chấp hiện nay có 550 cây thông đường kính gốc trung bình trên 10cm đến 20cm đang treo bầu khai thác nhựa và 09 cây keo đường kính gốc trung bình trên 20cm đến 30cm và cây bụi tự nhiên.

Kết quả định giá xác định: Trị giá quyền sử dụng đất là 5.000 đồng/m$^2$; cây thông trị giá 70.000 đồng/cây; cây keo trị giá 117.000 đồng/cây.

*Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn trình bày:* Việc UBND huyện B cấp GCNQSDĐ đất số BD 581126, số vào sổ CH 00338 ngày 20/9/2011 đối với thửa đất số 153 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã Q, địa danh đồi C, thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn cho bà Phan Thị P là đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định

tại Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ và Luật Đất đai năm 2003. Vì vậy, UBND huyện B không đồng ý với yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ mà ông Vy Văn C đưa ra.

Tại mục nguồn gốc sử dụng đất của đơn xin cấp GCNQSDĐ đề ngày 02/10/2009 đối với thửa đất số 153 bà Phan Thị P có ghi "*Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất năm 1998".* Qua kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ không kèm theo giấy tờ về quyền sử dụng đất đối với thửa đất đã được giao năm 1998 nên UBND huyện chưa có cơ sở khẳng định lô đất được giao cho bà Phan Thị P năm 1998 đã ghi trong đơn xin cấp GCNQSDĐ nói trên là lô đất nào.

Theo hồ sơ giao đất giao rừng mà bà Phan Thị P cung cấp thể hiện, năm 1993 ông Hà Văn T được giao lô đất số 03, khoảnh 05, tiểu khu 420, diện tích 8,4 ha theo Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 14/12/1993 của UBND huyện (gọi tắt là lô 03). Hồ sơ được đăng ký và lưu trữ tại Lâm trường B (nay là Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp huyện B) nhưng hiện nay không tìm thấy hồ sơ giấy tờ tài liệu có liên quan đến giao đất giao rừng đối với hộ ông Hà Văn T và bà Phan Thị P.

Công văn và tài liệu do Hạt Kiểm lâm huyện B cung cấp thể hiện: Năm 1998, ông Hà Văn T được giao duy nhất 01 lô đất rừng tại thôn L đó là lô số 71, địa danh S, diện tích 2,8ha thuộc tờ Bản đồ giao đất Lâm nghiệp xã Q (gọi tắt là lô 71).

Tại Công văn số 01/UBND ngày 05/6/2021 và Công văn số 45/UBND ngày 10/8/2021, UBND xã Q, huyện B cho biết: Cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn xã Q được giao đất vào các năm 1993, 1998, 2011, 2013. Năm 1993 ông Hà Văn T được giao lô đất số 03 nhưng hiện nay không tìm thấy tài liệu lưu. Năm 1998, hộ ông Hà Văn T được cấp bìa xanh đối với lô số 71 nhưng không phải vị trí đất đã được giao vào năm 1993 và vị trí thửa đất số 153 đã được cấp GCNQSDĐ. Trước khi UBND xã thực hiện việc hòa giải tranh chấp đất giữa bà Phan Thị P với ông Vy Văn C, UBND xã có hòa giải tranh chấp đất giữa bà Phan Thị P với ông Vi Văn B vào năm 2016, cùng thửa đất 153 nhưng không trùng vị trí mà bà Phan Thị P và ông Vy Văn C đang tranh chấp. Đối với tranh chấp đất giữa bà Phan Thị P với ông Hứa Văn H thì UBND xã không giải quyết.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 30/8/2021 có nội dung: Lô đất số 03 khoảnh 05 tiểu khu 420 mà ông Hà Văn T được giao vào năm 1993 không trùng khớp với vị trí, hình thể và diện tích ghi trên bản đồ giao đất giao rừng (diện tích lô số 03 của Bản đồ giao đất giao rừng là 4,4 ha, diện tích lô số 03

trong sổ giao đất giao rừng mang tên ông Hà Văn T là 8,4 ha). Theo sổ Lâm bạ thì Lô số 71 diện tích 2,8 ha trên bản đồ giao đất giao rừng là giao cho ông Hà Văn T nhưng không có trong hồ sơ giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng theo Quyết định 129/UB-QĐ ngày 14/12/1993. Vị trí lô đất số 03 và vị trí lô đất số 71 của Bản đồ giao đất giao rừng xã Q không tương ứng với thửa số 153 tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q.

Đối chiếu diện tích đất tranh chấp thể hiện tại trích đo (TĐ 69-2021) với Bản đồ giao đất giao rừng xã Q và Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã Q: Diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 153 tờ Bản đồ số 01 Bản đồ địa chính Lâm nghiệp xã Q; diện tích đất tranh chấp không nằm trong lô nào của Bản đồ giao đất giao rừng xã Q, mà nằm trong phần đất trống chưa giao.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 163, 164, Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 95, 99, 100, 101, 106, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**1. Về quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất:**

1.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng 10.470,0m$^2$ đất thuộc một phần diện tích thửa đất số 153, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính Lâm nghiệp xã Q; địa chỉ: C, thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; đã được UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ số BD 581126, số vào sổ CH 00338 ngày 20/9/2011 mang tên bà Phan Thị P.

Diện tích đất nói trên được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm ABCEFGHA, có độ dài cạnh và tứ cận tiếp giáp thể hiện trên trích đo khu đất tranh chấp do Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ và Môi trường T - chi nhánh Lạng Sơn thực hiện ngày 08/6/2021 (TĐ 69-2021).

*(Có trích đo khu đất tranh chấp TĐ 69-2021, ngày 08/6/2021 kèm theo)*

1.2 Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị P về việc đòi quyền sở hữu tài sản trên diện tích đất đã nêu tại mục 1.1.

1.3 Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị P về việc buộc ông Vy Văn C chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất đã nêu tại mục 1.1.

1.4 Ông Vy Văn C được quyền quản lý, sử dụng 10.470,0m$^2$ đất thuộc một phần diện tích thửa đất số 153, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính Lâm nghiệp xã Q; địa chỉ: C, thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; được thể hiện tại trích đo khu đất tranh chấp (TĐ 69-2021) do Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ và Môi trường T - chi nhánh Lạng Sơn thực hiện ngày 08/6/2021; có tứ cận tiếp giáp, độ dài các cạnh và trích đo khu đất đã nêu tại mục 1.1 .

Ông Vy Văn C có quyền quản lý, sử dụng, khai thác cây trên diện tích đất đã nêu tại mục 1.1 theo quy định của pháp luật.

Ông Vy Văn C có nghĩa vụ đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã nêu tại mục 1.1 theo quy định của pháp luật.

1.5 Buộc bà Phan Thị P chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất đã nêu tại mục 1.1.

**2. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:**

Chấp nhận yêu cầu của ông Vy Văn C; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 581126, số vào sổ CH 00338 ngày 20/9/2011 đối với diện tích 10.470,0m$^2$ thuộc một phần thửa 153 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã Q; địa chỉ: C, thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn mang tên bà Phan Thị P; có tứ cận tiếp giáp, độ dài các cạnh và trích đo khu đất đã nêu tại mục 1.1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2021, nguyên đơn là bà Phan Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, bác yêu cầu phản tố của bị đơn và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo, đồng thời trình bày như phần nội dung nêu trên; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày các căn cứ như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện bị đơn không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và cho rằng đã có đủ căn cứ xác định vị trí đất của gia đình bà P được Nhà nước giao có vị trí khác không cùng vị trí đất đang tranh chấp và thực tế gia đình bị đơn đã, đang quản lý trên thực tế đối với đất và tài sản trên đất từ trước; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai; ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 21/9/2021, bà Phan Thị P có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn là trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Thị P:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Theo trình bày của bà Phan Thị P thì nguồn gốc thửa đất số 153 nói trên được Nhà nước giao cho ông Hà Văn T (chồng bà P) từ năm 1993 và đã được cấp "bìa xanh"; đến năm 2011 thì gia đình bà được cấp "bìa đỏ" đối với diện tích đất đó. Tuy nhiên, đối chiếu diện tích đất tranh chấp thể hiện tại Trích đo khu đất tranh chấp (ký hiệu TĐ 69/2021) do Công ty Cổ phần Trắc địa bản đồ và Môi trường T - Chi nhánh Lạng Sơn thực hiện ngày 08/6/2021 với Bản đồ địa chính Lâm nghiệp xã Q và Bản đồ giao đất giao rừng xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; đồng thời, theo nội dung Kết luận giám định tư pháp ngày 30/8/2021 thể hiện thì lô đất số 03 khoảnh 05 tiểu khu 420 mà ông Hà Văn T được giao vào năm 1993 là không trùng khớp với vị trí, hình thể và diện tích ghi trên bản đồ giao đất giao rừng; vị trí lô đất số 03 và vị trí lô đất số 71 của Bản đồ giao đất giao rừng xã Q không tương ứng với thửa số 153 tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q; diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 153 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính Lâm nghiệp xã Q

không nằm trong lô nào của Bản đồ giao đất giao rừng xã Q, mà nằm trong phần đất trống chưa giao. Mặt khác, theo nội dung đơn xin cấp GCNQSDĐ đề ngày 02/10/2009 của bà Phan Thị P đối với thửa đất số 153 thì lại ghi nguồn gốc sử dụng đất là do "*Nhà nước giao đất năm 1998*"; Quyết định số 3153/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của UBND huyện về việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ Lâm nghiệp tại xã Q, huyện B trong đó có thửa 153 mang tên bà Phan Thị P thể hiện "*Các Quyết định về giao đất giao rừng (sổ bìa xanh) cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã Q của UBND huyện trước đây hết hiệu lực thi hành"* (Điều 4). Ngoài ra, theo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho thấy, năm 1998 ông T chỉ được giao một lô đất số 71 diện tích 2,8ha, địa danh S; không có hồ sơ tài liệu liên quan đến lô 03 khoảnh 05, tiểu khu 420 mà ông Hà Văn T đã được giao quyền quản lý và sử dụng rừng, đất trồng rừng vào năm 1993 như trình bày của bà P. Vì vậy, không có căn cứ để xác định nguồn gốc thửa 153 là đất được Nhà nước giao cho ông Hà Văn T như lời trình bày của bà P và sổ xanh mà bà cung cấp.

[2.2] Xét về quá trình quản lý sử dụng diện tích đất đang tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do Tòa án nhân dân huyện B tiến hành vào ngày 08/6/2021, kèm theo trích đo khu đất tranh chấp (TĐ 69-2021) do Công ty Cổ phần Trắc địa Bản đồ và Môi trường T - chi nhánh Lạng Sơn thực hiện. Đối chiếu lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã đủ cơ sở để xác định diện tích đất tranh chấp là 10.470,0m$^2$ đất thuộc một phần diện tích thửa đất số 153, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính Lâm nghiệp xã Q; địa chỉ: C, thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; đã được cấp GCNQSDĐ mang tên bà Phan Thị P. Trên diện tích đất tranh chấp hiện nay có 550 cây thông đường kính gốc trung bình trên 10cm đến 20cm đang treo bầu khai thác nhựa và 09 cây keo đường kính gốc trung bình trên 20 cm đến 30cm và cây bụi tự nhiên. Trị giá quyền sử dụng đất là 52.350.000 đồng, trị giá 550 cây thông trồng trên đất tranh chấp là 38.500.000 đồng, trị giá 09 cây keo trồng trên đất tranh chấp là 1.053.000 đồng; tổng trị giá tài sản tranh chấp là 91.903.000 đồng.

Bà Phan Thị P là người khởi kiện cho rằng đất và cây trồng trên đất là của mình, nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh việc mình đã trồng các loại cây trên đất đang trang chấp. Đồng thời, theo trình bày của bà Phan Thị P thì bà bắt đầu trồng cây thông trên đất từ năm 1995, nhưng sau đó đã bị cháy, năm 1996 bà trồng lại nhưng cũng bị cháy, bị cháy mấy năm liền và sau mỗi lần cháy bà đều phải trồng lại, những lần trồng cây thì không có ai chứng kiến và đến nay bà cũng không nhớ thời điểm trồng cây trên đất tranh

chấp. Theo tài liệu có trong hồ sơ giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị P và ông Vi Văn B, bà P trình bày "*Hiện tại trên diện tích 128.000m$^2$ theo sổ đỏ của tôi thì tôi có trồng cây nhưng bị cháy hết, chỉ còn cây trên diện tích đất tranh chấp, do không bị cháy do đã phát đường băng*". Lời khai của người làm chứng là bà Phương Thị I ngày 28/5/2021 thể hiện: trước đây khi đi chăn trâu bà có thấy bà Phan Thị P trồng thông ở khu đất giáp ruộng của gia đình nhà bà nhưng không biết có phải ở diện tích đất đang tranh chấp hay không. Về phía ông C thì cho rằng gia đình ông đã trồng cây thông từ năm 1996 và tiếp tục trồng dặm nhưng năm sau đó; đến năm 2016 thì tiến hành khai thác; giữa đất của bà P và đất của gia đình ông là có đường đi do bà P tạo lập vào năm 2020 để khai thác gỗ. Lời khai những người làm chứng đều có lời trình bày phù hợp với lời trình bày của ông C. Do đó, không có chứng cứ để chứng minh số cây trồng trên đất đang tranh chấp thuộc quyền sở hữa của bà Phan Thị P. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà P là có căn cứ.

[2.3] Về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa 153:

Theo nội dung Đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 153 tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính Lâm nghiệp xã Q, bà Phan Thị P có ghi nguồn gốc của thửa đất được cấp là do "*Nhà nước giao đất năm 1998"*. Tuy nhiên, theo tài liệu thu thập được từ Hạt Kiểm lâm huyện B thể hiện, năm 1998 ông Hà Văn T chỉ được giao quản lý, sử dụng lô đất số 71, diện tích 2,8ha, địa danh S thuộc tờ Bản đồ giao đất Lâm nghiệp xã Q. Kết quả giám định kết luận diện tích 2,8ha đất thuộc lô 71 không trùng diện tích đất của thửa 153 mà bà Phan Thị P đã được cấp GCNQSDĐ; diện tích đất tranh chấp không nằm trong lô cụ thể, mà nằm trong phần đất trống chưa giao. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nguồn gốc và quá trình quản lý sử dụng đất như đã nêu ở phần trên để nhận định việc UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ cho bà Phan Thị P đối với toàn bộ diện tích của thửa đất 153 tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính Lâm nghiệp xã Q là không đúng người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất; gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vy Văn C và chấp nhận đối với yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ mà UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho bà Phan Thị P tại thửa đất số 153, tương ứng với diện tích đất tranh chấp là có căn cứ.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P không được Tòa án chấp nhận và các bên cũng không thỏa thuận được về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng. Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 165, của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Phan Thị P

phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí giám định, với tổng số tiền là 28.924.000 đồng là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị P và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do bà Phan Thị P là người cao tuổi và là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị được miễn toàn bộ tiền án phí. Vì vậy, bà P được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về án phí: Bà Phạn Thị P không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC HN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Sỹ Hưng**

**CÁC THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Bình** **Phan Thị Vân Hương** **Hồ Sỹ Hưng**